| | |
|---|---|
| **1TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 383/2025/DS-PT
Ngày: 01-7-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán*: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Ông Nguyễn Tấn Tặng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Bà Phan Thị Thanh Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 177/2025/TLPT- DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2025/QĐPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa:

***1. Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***2. Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Trần Thị U, sinh năm, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

***4. Người kháng cáo:*** Bà Trần Thị U là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*** Vào năm 2018, chị Nguyễn Thị Thúy N có đến nhà bà để hỏi vay 200.000.000đồng, lãi suất 1%/tháng, không hẹn ngày trả, do chị N là con ruột của bà U mà bà U là chỗ quen biết rất thân nên việc cho vay giữa bà với chị N không làm giấy tờ thậm chí những lần vay của bà U với bà cũng không làm giấy tờ.

Đến ngày 10/01/2020 chị N có trả cho bà 50.000.000đồng, tiếp đến ngày 10/02/2020 chị N trả thêm 10.000.000đồng và từ đó cho đến nay chị N không trả nữa. Bà đòi nhiều lần nhưng chị N cứ hứa, cùng lúc đó bà U cũng thiếu tiền vay của bà, và bà sợ bà U nói ngược nên vào ngày 25/9/2023 bà điện thoại cho bà Ử để chốt nợ giữa bà với bà U và chốt nợ giữa bà với chị N (vì nợ của chị N thì bà U cũng biết rất rõ), cuộc hội thoại được bà ghi âm lại và lúc này bà U cũng thừa nhận chị N còn thiếu bà 140.000.000đồng sau khi trừ đi 60.000.000đồng, còn bà U thiếu bà 1,3 tỷ đồng.

Việc bà U không trả tiền nên vào ngày 25/9/2023 bà khởi kiện đến Tòa án khi đó bà U nói ngược nhưng khi bà đưa đoạn ghi âm ngày 25/9/2023 cho bà U nghe thì bà U thừa nhận nợ và Tòa án đã hòa giải thành. Còn khoản nợ của chị N thì chị N không chịu trả.

Theo đơn khởi kiện, bà yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy N trả nợ vay gốc 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng), không tính lãi.

Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 bà U khai nợ này là của bà U vay chứ không phải chị N vay. Vì vậy, nay bà thay đổi yêu cầu cụ thể: Yêu cầu bà Trần Thị U và chị Nguyễn Thị Thúy N cùng liên đới trả nợ vay gốc 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà và không yêu cầu tính lãi.

Còn việc bà U cho là việc nợ vay 140.000.000 đồng này đã được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 là không đúng. Bởi, khi bà khởi kiện đòi nợ bà U tổng số nợ là 1.450.000.000đồng, bà không có tính số tiền nợ 140.000.000đồng của chị N nợ vào, lý do chị N nợ chứ không phải bà Ử nợ mà tính vào khoản nợ của bà U, bà U trả được 490.000.000đồng còn nợ 960.000.000đồng nên bà thưa kiện thì lúc đầu bà U không thừa nhận mà bà U cho rằng chỉ nợ bà 700.000.000đồng và đã trả cho bà 490.000.000đồng chỉ còn nợ lại 210.000.000đồng nhưng tại phiên tòa ngày 06/6/2024 bà mở đoạn ghi âm cho bà U nghe thì bà U thừa nhận và bà cũng đã đồng ý bỏ bớt chỉ yêu cầu bà U trả 700.000.000đồng vay gốc, không tính lãi, bà U cũng đồng ý nên mới hòa giải thành

tại phiên tòa. Vụ việc này nay bà yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ mà bà đã kiện bà U trước đó để chứng minh cho lời khai của bà là đúng sự thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà thay đổi yêu cầu, cụ thể chỉ yêu cầu một mình bà U trả nợ vay gốc 140.000.000đồng, không tính lãi.

***- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:*** Chị không đồng ý theo yêu cầu của bà T. Chị không có hỏi vay nợ gì với bà T. Nếu chị thiếu tiền của bà T thì tại sao bà T không đòi nợ với chị mà đi nói chuyện với mẹ chị là bà U. Nợ này bà U cũng đã thừa nhận thì tại sao bà T lại yêu cầu chị phải liên đới trả. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà T chỉ yêu cầu một mình bà U trả nợ vay gốc 140.000.000đồng chị N không ý kiến.

***- Bà Trần Thị U trình bày:*** Bà thừa nhận trong đoạn ghi âm ngày 25/9/2023 giữa bà T với bà mà bà T cung cấp có nói chị N còn nợ 140.000.000đồng đây là nợ của bà chứ không phải nợ của chị N, nhưng số nợ này đã được Tòa án giải quyết trong hồ sơ thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023 mà Tòa án đã ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024. Do đó, theo yêu cầu của bà T thì bà không đồng ý. Bà yêu cầu Tòa án lấy toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023 để chứng minh cho khoản nợ 140.000.000đồng này đã được bà T yêu cầu giải quyết rồi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện T tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị U trả nợ vay gốc 140.000.000đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị U được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/3/2025 bà Trần Thị U có đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trần Thị U vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị U, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị U, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời khai của bà U vào ngày 30/12/2024 tại Tòa án thì bà Ư thừa nhận giọng nói trong đoạn hội thoại ghi âm vào ngày 25/9/2023 giữa bà U với bà T được bà T ghi âm lại đúng là giọng nói của bà U, từ "nó" trong đoạn hội thoại được đề cặp đến thì bà U xác định là chị N còn việc vay nợ giữa bà T với chị N như thế nào thì bà U không biết nhưng qua nội dung trong đoạn hội thoại thì thể hiện bà U biết rất rõ việc chị N thiếu nợ của bà T 200.000.000 đồng và chị N có trả cho bà T được 02 đợt tổng cộng 60.000.000 đồng còn nợ lại 140.000.000 đồng và do hoàn cảnh khó khăn nên chị N chưa trả. Cho nên xét thấy bà U khai giữa chị N và bà T có vay nợ hay không thì bà U không biết, lời khai nhận này của bà U là không trung thực.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 bà Trần Thị U khai nhận: Chị N được đề cặp đến trong đoạn hội thoại ngày 25/9/2023 còn nợ bà T 140.000.000 đồng đây là nợ của bà U chứ không phải nợ của chị N, vì bà U đã hỏi vay của bà T rất nhiều lần, sợ bà T không cho bà U vay tiếp nên mới nói người hỏi vay là chị N (con gái của bà U) nhưng số nợ này đã được Tòa án giải quyết trong Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024. Hội đồng xét xử nhận thấy ngay lời khai nhận của bà U tại Tòa án lần đầu vào ngày 30/12/2024 và khai nhận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025 là không trung thực. Đồng thời, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và đã được Tòa án ban hành Quyết định công nhận thỏa thuận của các đương sự số 32/2024/QĐST-DS ngày 06/6/2024 thì việc bà U cho rằng bà T đã yêu cầu bà U trả số nợ này rồi là không phù hợp, vì trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2023 giữa bà T và bà U, cũng như trong biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 06/6/2024 bà U cũng đồng ý trả nợ cho bà T số tiền 700.000.000đ, không có đề cập gì đối với số nợ 140.000.000đ mà bà U nại ra và trong đoạn hội thoại vào ngày 25/9/2023 giữa bà U với bà T đã chốt nợ

với nhau và việc bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà U trả nợ là phù hợp với số nợ vay của bà trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023.

[2] Việc bà T khai chị N còn nợ 140.000.000 đồng nên bà T yêu cầu chị N trả chứ khi bà T kiện bà U thì không có cộng số nợ này vào là do hai người nợ khác nhau, bởi trong đoạn hội thoại nói rõ 02 khoản nợ: khoản nợ của chị N 200.000.000 đồng trả được 02 đợt tổng cộng 60.000.000 đồng còn nợ 140.000.000 đồng; khoản nợ của bà T 1.300.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bà T là phù hợp. Bởi, theo các lời khai của bà T và bà U trong hồ sơ vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 đều không đề cặp đến số nợ tên N hỏi vay. Theo lời khai nhận của bà U vào ngày 07/3/2025 tại Tòa án và các lời khai nhận tại các phiên tòa sơ thẩm ngày 04/3/2025, ngày 13/3/2025 thì bà U cho là khi hỏi vay 200.000.000 đồng là để tên N vay là do sợ bà T không cho bà U vay tiếp đều đó có nghĩa bà T chỉ biết chị N vay nên khi bà T khởi kiện bà U trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023 không đề cặp đến khoản nợ của chị N là phù hợp. Như vậy, cho thấy số nợ 140.000.000 đồng mà bà T yêu cầu trong vụ án này là chưa được giải quyết trong vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-DS ngày 12/10/2023.

Chị N cho là không nợ bà T, còn việc nợ giữa bà T với bà U thì chị N không biết. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/3/2025 bà T thay đổi yêu cầu, cụ thể chỉ yêu cầu một mình bà U trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng, không tính lãi. Như đã nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu của bà T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi do bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị U là không có căn cứ nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà U, nên bà phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng do bà Trần Thị U là người cao tuổi có đơn xin miễn. Căn cứ điểm đ, khoản 2; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nên miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà U.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị U, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

# QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 357; Điều 163; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015; điểm đ, khoản 1; Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị U.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 13/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện T.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trần Thị U trả nợ vay gốc 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị U được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi.

5. Án phí phúc thẩm: Miễn tiền án phí cho bà Trần Thị U.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0, Đồng Tháp;
- TAND nhân dân khu vực 0, Đồng Tháp;
- Phòng TT,KT,THA- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Trần Phước Hội**